

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 170/2022/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị G, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: xóm NT, xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên;

Bị đơn: Anh H, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: xóm NT, xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2022

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị G và anh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh H nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2) Về con chung: Chị G và anh H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu L, sinh ngày 17/6/2014 và cháu N, sinh ngày 18/11/2018. Các đương sự thống nhất thoả thuận như sau:

Chị G nuôi con chung L, sinh ngày 17/6/2014 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh H nuôi con chung N, sinh ngày 18/11/2018 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị G, anh H có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3) Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4) Về án phí:Chị G tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001080, ngày 04/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN. Hoàn trả chị G 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001080, ngày 04/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

THẨM PHÁN

*** Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Chi cục THA dân sự TPTN
- UBND Xã
- Lưu: VP, HS.

Dương Thị Liên